TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2017
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân

1- Bà Phạm Thị Tuẫn

2- Ông Phạm Huy Điệu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2016/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp Hôn nhân - gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2016/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2016 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H – SN 1996

HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn M – SN 1991

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị Phạm Thị H trình bày như sau: Chị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 18/4/2014. Quá trình chung sống đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh M thường xuyên chơi bời lêu lổng, không chịu tu chí làm ăn. Mặt khác, anh M bị nghiện ma túy, hay quan hệ với những phần tử xấu. Mặc dù, chị H đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh M vẫn không chịu thay đổi lối sống buông thả của bản thân. Do mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ từ tháng 5/2015. Cuối năm 2015, chị H làm đơn xin ly hôn anh M. Do được mọi người khuyên bảo, chị H rút đơn khởi kiện để vợ chồng quay lại đoàn tụ. Tuy nhiên, anh M vẫn không chịu thay đổi lối sống, thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời lêu lổng, không có trách nhiệm với gia đình, tiếp tục nghiện ma túy. Xét thấy, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mà cũng không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người, nên chị H làm đơn xin ly hôn anh M.

- *Về quan hệ con chung*: Trong thời gian chung sống với nhau, chị H và anh M có một con chung là Nguyễn Tường A – SN 23/10/2014. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác và công sức*: Chị Phạm Thị H không đề nghị giải quyết.

Anh Nguyễn Văn M được triệu tập hợp lệ nhiều lần để Tòa án tiến hành lấy lời khai và thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, anh M vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết hai bên ly hôn; về con chung: Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường A; về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác và công sức: Chị H không đề nghị giải quyết.

Anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến, xác định trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án; Tại phiên toà, HĐXX đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng tại phiên toà; Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về căn cứ pháp luật và đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKSND huyện Ninh Giang đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 262 BLTTDS và Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn Muộn; về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Tường A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập và giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nguyễn Văn M đều không đến làm việc tại cơ quan Tòa án. Căn cứ Điều 207 BLTTDS, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi tống đạt hợp lệ cho anh M Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự để anh M biết và có mặt nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bản thân mình vào ngày xét xử vụ kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/12/2016, anh M vắng mặt không có lý do. HĐXX đã ra Quyết định hoãn phiên toà, đồng thời tiếp tục tống đạt các văn bản tố tụng (Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên toà) để đưa vụ án ra xét xử lần 2 vào ngày 11/01/2017. Tại phiên toà hôm nay, anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là anh M chơi bời, nghiện ngập ma túy, không chịu tu chí làm ăn. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh M vẫn không chịu thay đổi lối sống buông thả. Mặt khác, hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, mà cũng không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng. Quan điểm của UBND xã, Chi hội phụ nữ và chính quyền thôn T xã T đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M diễn ra đã lâu, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Mặt khác, anh M chơi bời, nghiện nghập ma túy, thường xuyên giao du quan hệ với các phần tử xấu, không chịu tu chí làm ăn. Quan điểm của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh M.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị H ly hôn anh M là phù hợp quy định pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị H và anh M có một con chung là Nguyễn Tường A – SN 23/10/2014. Xét thấy, con chung dưới 36 tháng tuổi, HĐXX giao cháu Tường An cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn M không đề nghị giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H làm đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, khoản 1 – khoản 3 Điều 81, khoản 1 – khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS và Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2- Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Tường A – SN 23/10/2014 cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được ngăn cản anh M.

3- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền 200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AB/2014/000214 ngày 18/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Trường Giang